TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Kiệt.
2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 103/6A Đoàn Thị N1, khu phố chín, Phường năm, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Trúc N**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 103/6A Đoàn Thị N, khu phố chín, Phường năm, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/2/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:

Do quen biết, anh và chị N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/5/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên anh và chị N đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay; con chung có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thanh V1, sinh ngày 03/9/2011; tài sản sản chung, không có, nợ chung, không có.

Nay, anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N; con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị Trúc N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh V. Chị N vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa anh V yêu cầu được ly hôn với chị N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Lê Thanh V1, sinh ngày 03/9/2011, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt chị N là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chị N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc yêu cầu ly hôn, nuôi con của anh V và cũng không tham dự phiên tòa. Như vậy, thể hiện chị N không có thiện chí đối với cuộc hôn nhân này, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của hai anh chị không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh V yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ đề nghị chấp nhận; Về con chung của anh, chị là cháu V1, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vy, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu Vy đang sống với anh V, cháu Vy có nguyện vọng được sống chung với cha, để ổn định cuộc sống, tâm sinh lý của cháu V1, đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh V; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V chưa yêu cầu. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Trúc N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Trúc N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị Trúc N có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân Phường năm, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/5/2010, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh V và chị N kết hôn năm 2010, anh V trình bày: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên anh và chị N đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, trong thời gian ly thân anh V, chị N không có biện pháp nào đoàn tụ, hiện mỗi người sống một nơi. Chị N thì không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh V và vắng mặt không dự phiên tòa để trình bày ý kiến về việc anh V yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng con

chung. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh V yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thanh V1, sinh ngày 03/9/2011. Anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, anh V trình bày từ khi ly thân cho đến nay cháu V1 cùng sống chung với anh, anh chăm sóc nuôi dưỡng cháu, nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu V1 có nguyện vọng được sống chung với anh V, chị N thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V1 cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của anh V và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị Lê Thị Trúc N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xém xét.

[5] Về nợ chung: Anh V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị Trúc N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thanh V1, sinh ngày 03/9/2011 cho anh Nguyễn Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Trúc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Trúc N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004845 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên xem như anh Nguyễn Thanh V nộp xong án phí.

6. Anh Nguyễn Thanh V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Trúc N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- UBND Phường 5, TP.MT,Tiền Giang;
- Các đương sự:
  + Anh Nguyễn Thanh V;
  + Chị Lê Thị Trúc N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Thị Sang